

# NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY HỌC NGOẠI NGỮ NHẪM HƯỚNG ĐẾN MỤC TIÊU XÂY DỰNG THỂ HỆ “CÔNG DÂN TOÀN CẦU”: THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP

ENHANCING THE QUALITY OF FOREIGN LANGUAGE TEACHING TOWARD DEVELOPING A “GLOBAL CITIZEN” GENERATION: CURRENT SITUATION AND PROPOSED MEASURES

Nguyễn Văn Lượng<sup>1</sup>,  
Trần Thị Minh Hiếu<sup>2,+</sup>,  
Nguyễn Đức Hiền<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Thái Bình; <sup>2</sup>Trường Đại học Thủ đô Hà Nội  
+Tác giả liên hệ • Email: minhhieutx@gmail.com

## Article history

Received: 12/12/2025

Accepted: 30/01/2026

Published: 20/4/2026

## Keywords

Foreign languages, English language teaching, quality enhancement, pedagogy, global citizenship, education policy, international integration

## ABSTRACT

In the context of globalization and the Fourth Industrial Revolution, foreign language proficiency has emerged as a core competency, playing a pivotal role in the development of high-quality human resources. This paper analyzes the current landscape of foreign language education in Vietnam, focusing on national policies, key achievements, institutional autonomy, governance, faculty development, and international cooperation, while identifying existing limitations. From this analysis, the study proposes strategic measures to enhance teaching quality, aiming to cultivate a generation of “global citizens” equipped with linguistic proficiency, creative thinking, and high adaptability. The findings indicate that despite significant progress, foreign language education has yet to fully meet the demands of international integration due to persistent inadequacies in curricula, pedagogical methods, facilities, and teaching staff. This research provides a robust scientific and practical foundation for further improving the quality of foreign language education in Vietnam amidst ongoing global integration.

## 1. Mở đầu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, ngoại ngữ đã trở thành một năng lực cốt lõi, không chỉ là môn học trong nhà trường mà còn là công cụ thiết yếu để tiếp cận tri thức, KH-CN và văn hóa nhân loại. Ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, giữ vai trò trung tâm trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng sáng tạo và hội nhập quốc tế của nguồn nhân lực trong nền kinh tế tri thức (World Economic Forum, 2022; Hosack, 2011). Nhiều nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng việc giảng dạy ngoại ngữ gắn với định hướng công dân toàn cầu không chỉ góp phần phát triển kĩ năng giao tiếp đa ngôn ngữ mà còn hình thành năng lực thích ứng, sáng tạo và trách nhiệm xã hội (Wu, 2020; Lütge và cộng sự, 2023; Vũ Thị Bích Ngọc, 2023).

Tại Việt Nam, hơn bốn thập kỉ đổi mới và hội nhập đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ trong dạy học ngoại ngữ. Chính phủ và Bộ GD-ĐT đã ban hành nhiều chính sách quan trọng như Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2020 (Thủ tướng Chính phủ, 2008), Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc (Bộ GD-ĐT, 2014), và các điều chỉnh, bổ sung cho giai đoạn đến năm 2025 (Thủ tướng Chính phủ, 2017). Đồng thời, Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đã xác định môn Tiếng Anh là một trong những trụ cột quan trọng để hình thành năng lực ngoại ngữ cho HS từ cấp tiểu học (Bộ GD-ĐT, 2018). Các báo cáo tổng kết của Bộ GD-ĐT (2022) cũng cho thấy hệ thống đào tạo ngoại ngữ đã mở rộng về quy mô, chất lượng GV từng bước được nâng cao, và xã hội ngày càng quan tâm hơn đến vai trò của ngoại ngữ trong hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, thực tiễn vẫn bộc lộ nhiều hạn chế. Phương pháp giảng dạy phổ biến hiện nay vẫn thiên về ngữ pháp và dịch thuật, chú trọng vào thi cử thay vì phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp và học tập suốt đời. HS và sinh viên dành nhiều năm học ngoại ngữ nhưng phần lớn vẫn gặp khó khăn khi giao tiếp trong môi trường học thuật và nghề nghiệp quốc tế (Bộ GD-ĐT, 2022; Báo Điện tử Chính phủ, 2024). Bên cạnh đó, sự chênh lệch về chất lượng đào tạo giữa các vùng miền, tình trạng thiếu GV đạt chuẩn C1-C2 theo Khung tham chiếu châu Âu, cũng như việc ứng dụng công nghệ số trong dạy học ngoại ngữ còn hạn chế đang cản trở tiến trình đổi mới (Bộ GD-ĐT, 2022; Nguyễn Duy Mộng Hà, 2019). Trước yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho kỉ nguyên hội nhập, việc nghiên cứu và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ trở thành nhiệm vụ cấp thiết. Mục tiêu không chỉ dừng lại ở kết quả thi mà còn hướng đến việc hình thành thể hệ công dân toàn cầu

- những người có khả năng giao tiếp đa ngôn ngữ, tư duy sáng tạo, và năng lực thích ứng linh hoạt trong xã hội toàn cầu hóa (Wu, 2020).

Vì vậy, bài báo này phân tích thực trạng dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế, dựa trên hệ thống chính sách, kết quả triển khai và những vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới. Trên cơ sở phân tích các dữ liệu từ Bộ GD-ĐT, Đề án Ngoại ngữ Quốc gia và các nghiên cứu của nhiều chuyên gia,... nghiên cứu đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ theo chuẩn quốc tế, hướng đến mục tiêu xây dựng thế hệ công dân toàn cầu có năng lực ngoại ngữ, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng linh hoạt. Bài báo tập trung trả lời các câu hỏi sau: (1) Thực trạng dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam hiện nay đang được triển khai như thế nào trong mối quan hệ với mục tiêu hội nhập quốc tế và định hướng hình thành công dân toàn cầu? (2) Những hạn chế chủ yếu trong phương pháp dạy học ngoại ngữ hiện nay xuất phát từ những nguyên nhân nào, đặc biệt trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư? (3) Cần định hướng và đề xuất những biện pháp nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ nào để vừa nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ thực tiễn của người học, vừa đáp ứng yêu cầu hình thành công dân toàn cầu theo các chuẩn mực quốc tế?

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Khái quát thực trạng dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế

#### 2.1.1. Chính sách của Nhà nước về đổi mới dạy học ngoại ngữ

Trong bối cảnh đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng đối với giáo dục ngoại ngữ. Ngày 12/8/2024, Bộ Chính trị ban hành Kết luận số 91-KL/TW nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (2013) về đổi mới GD-ĐT trong thời kì CNH, HĐH và hội nhập quốc tế. Trong đó, nhiệm vụ thứ 8 được xác định là “tập trung nâng cao năng lực ngoại ngữ của HS, sinh viên, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học” (Ban Chấp hành Trung ương, 2024). Đây được coi là một mục tiêu mang tính đột phá, đòi hỏi sự chuẩn bị đồng bộ về chương trình, giáo trình, đội ngũ và phương pháp giảng dạy. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng ban hành nhiều chính sách khác như phân bổ ngân sách, đào tạo GV chất lượng cao, xã hội hóa đào tạo ngoại ngữ, gắn kết đào tạo với nhu cầu thị trường lao động, ứng dụng công nghệ giáo dục và khuyến khích hợp tác quốc tế. Nhờ đó, hệ thống chính sách ngày càng hoàn thiện, tạo nền tảng quan trọng cho đổi mới dạy học ngoại ngữ gắn với yêu cầu hội nhập và chuyển đổi số.

#### 2.1.2. Những kết quả đạt được

Việc triển khai các chính sách đổi mới đã đem lại nhiều kết quả tích cực trong dạy học ngoại ngữ. Theo Báo cáo Tổng kết Đề án Ngoại ngữ Quốc gia (Bộ GD-ĐT, 2022), quy mô đào tạo ngoại ngữ cả công lập và ngoại công lập trên cả nước tăng nhanh với khoảng 3.800-4.000 cơ sở đào tạo ngoại ngữ trên toàn quốc, trong đó tiếng Anh chiếm tỉ trọng lớn nhất, bên cạnh các ngôn ngữ khác như Hàn, Nhật, Trung, Đức. Các cơ sở này tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn, góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng lực ngoại ngữ của người học. Về chất lượng, nhu cầu học tiếng Anh ngày càng tăng nhưng thực tế vẫn còn nhiều vấn đề. Về kết quả học tập, dữ liệu từ kì thi tốt nghiệp THPT năm 2023-2024 cho thấy điểm trung bình môn Tiếng Anh đạt 5,51 điểm (Báo Điện tử Chính phủ, 2024). Phổ điểm tập trung nhiều ở mức trung bình. Điều này phản ánh khoảng cách khá lớn giữa yêu cầu hội nhập quốc tế và năng lực sử dụng ngoại ngữ thực tế của HS.

Nội dung giảng dạy trong nhà trường còn thiên về ngữ pháp và phục vụ thi cử, trong khi kĩ năng giao tiếp - yếu tố then chốt trong sử dụng ngôn ngữ - chưa được chú trọng đúng mức. Ngoài ra, sự chênh lệch về chất lượng dạy học giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi vẫn còn rõ rệt, gây bất bình đẳng trong cơ hội tiếp cận. Dù vậy, vẫn có những tín hiệu tích cực khi nhiều trung tâm ngoại ngữ ở đô thị đã bắt đầu áp dụng phương pháp giảng dạy giao tiếp hiện đại, dạy học theo nhiệm vụ, mời GV bản ngữ hoặc triển khai các chương trình liên kết quốc tế... Đây là tín hiệu cho thấy xu hướng đào tạo đang dần tiệm cận với chuẩn mực đào tạo ngoại ngữ quốc tế.

#### 2.1.3. Tiến trình tự chủ trong dạy học ngoại ngữ

Trong những năm gần đây, hệ thống các trường học và cơ sở đào tạo ngoại ngữ đã phát triển cả về quy mô lẫn chất lượng, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về năng lực ngoại ngữ. Hầu hết các trường từ tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông đến bậc cao đẳng và đại học đều có chương trình tiếng Anh bắt buộc hoặc tự chọn. Theo Tuan (2017), các chương trình này được thiết kế linh hoạt, gắn với nhu cầu học tập của người học và yêu cầu của thị trường lao động. Nhiều trường đã triển khai các chương trình tiếng Anh tăng cường hoặc xã hội hóa, đồng thời xây dựng các chương trình tiếng Anh chuyên ngành và mở rộng liên kết đào tạo với các tổ chức quốc tế nhằm nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ (Wei và Chao, 2025). Ngoài ra, các cơ sở giáo dục cũng tăng cường hợp tác với các đơn vị đào

tạo ngoài công lập để tổ chức các lớp tiếng Anh tăng cường có GV bản ngữ, qua đó tạo điều kiện cho người học tiếp cận môi trường học tập mang tính quốc tế và thực tiễn hơn (Wei và Chao, 2025).

#### *2.1.4. Công tác quản trị trong dạy học ngoại ngữ*

Công tác quản trị giữ vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ. Theo cơ chế quản lý hiện nay, Bộ GD-ĐT chịu trách nhiệm xây dựng khung chương trình giáo dục và quy định chuẩn đầu ra ngoại ngữ cho người học, trong đó trình độ B1 đối với bậc đại học và B2 đối với bậc thạc sĩ được xác định theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Bộ GD-ĐT, 2014). Theo Luật Giáo dục đại học sửa đổi (2018), các Sở GD-ĐT chịu trách nhiệm quản lý, cấp phép và giám sát hoạt động của các trung tâm ngoại ngữ, trong khi các cơ sở giáo dục đại học và trung tâm ngoại ngữ được trao quyền tự chủ trong thiết kế chương trình và tổ chức đào tạo (Quốc hội, 2018). Thực tế cho thấy, công tác quản trị đào tạo ngoại ngữ đã có những chuyển biến tích cực gắn với xu hướng tự chủ giáo dục. Tuy nhiên, tình trạng thiếu GV ngoại ngữ đạt chuẩn, đặc biệt ở khu vực nông thôn và miền núi, cùng với hạn chế trong việc cập nhật phương pháp giảng dạy hiện đại vẫn là những thách thức đáng kể (Bộ GD-ĐT, 2022; World Bank, 2020).

#### *2.1.5. Đội ngũ giáo viên*

Đội ngũ GV ngoại ngữ trong những năm gần đây đã phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Theo Bộ GD-ĐT (2022), trình độ chuyên môn được nâng cao nhằm đáp ứng chủ trương đưa tiếng Anh thành môn học bắt buộc từ lớp 3. Ở nhiều tỉnh, đặc biệt tại khu vực thành thị, chính quyền đã ưu tiên tuyển dụng thêm GV để kịp thời triển khai chương trình mới. Đồng thời, số lượng GV ngoài công lập và tại các trung tâm Anh ngữ cũng tăng mạnh, phản ánh nhu cầu học ngoại ngữ ngày càng cao. Tuy nhiên, sự phân bố đội ngũ chưa đồng đều, nhiều địa phương vùng sâu vùng xa vẫn thiếu GV tiếng Anh, trong khi nhiều người chưa đạt chuẩn C1 theo Khung tham chiếu châu Âu. Một số GV còn nặng về phương pháp truyền thống, chú trọng ngữ pháp - dịch, ít tập trung phát triển kỹ năng giao tiếp thực tế cho HS do công tác đào tạo GV ở các trường đại học sư phạm chưa đồng đều, các khóa học bồi dưỡng năng lực tiếng Anh và phương pháp giảng dạy hiện đại chưa được triển khai thường xuyên, không đồng bộ giữa các địa phương. Nguồn kinh phí bồi dưỡng cho GV còn hạn chế, ít có cơ hội giao tiếp tiếng Anh trong môi trường thực tế. Thu nhập thấp cũng là nguyên nhân khiến nhiều GV chuyển sang khu vực tư nhân hoặc trung tâm ngoại ngữ (Bộ GD-ĐT, 2022).

#### *2.1.6. Hợp tác quốc tế trong dạy học ngoại ngữ*

Tính đến năm 2025, Việt Nam có hơn 600 trung tâm ngoại ngữ có yếu tố nước ngoài, trong đó khoảng 80% tập trung vào tiếng Anh. Sự phát triển này cho thấy nhu cầu học ngoại ngữ ngày càng lớn và xu hướng quốc tế hóa giáo dục. Tuy nhiên, phần lớn các trung tâm tập trung tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, trong khi khu vực nông thôn và miền núi ít được tiếp cận. Ngoài ra, chất lượng đào tạo của một số trung tâm vẫn chưa đáp ứng chuẩn quốc tế, ảnh hưởng đến niềm tin của người học. Một điểm nổi bật là xu hướng ứng dụng công nghệ giáo dục ngày càng rõ rệt. Mô hình học kết hợp (Blended Learning), công nghệ trí tuệ nhân tạo hỗ trợ đánh giá năng lực ngôn ngữ, và các nền tảng trực tuyến đang được áp dụng nhiều hơn, mở ra cơ hội học tập đa dạng cho người học, kể cả ở khu vực khó khăn. Bên cạnh tiếng Anh, nhu cầu học các ngôn ngữ khác như Hàn, Trung, Nhật, Đức cũng gia tăng, gắn liền với nhu cầu du học và làm việc trong môi trường quốc tế. Tuy nhiên, các kết quả đạt được mới dừng ở mức mở rộng quy mô và đổi mới bước đầu. Năng lực ngoại ngữ của HS, sinh viên vẫn chưa đáp ứng được mục tiêu Đề án ngoại ngữ quốc gia. Điều này đòi hỏi cần đánh giá rõ nguyên nhân trong mối liên hệ giữa chính sách - triển khai và kết quả đạt được (British Council Viet Nam & International Cooperation Department và Ministry of Education and Training, 2022).

## **2.2. Những hạn chế trong triển khai hoạt động dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam**

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, thực tiễn triển khai hoạt động dạy học ngoại ngữ tại Việt Nam vẫn tồn tại nhiều hạn chế và bất cập cần được nhận diện và khắc phục. Báo cáo Tổng kết Đề án Ngoại ngữ Quốc gia (2022) cho thấy, tỉ lệ GV đạt chuẩn quốc tế theo Khung năng lực châu Âu (CEFR C1) còn thấp, đặc biệt tại các khu vực miền núi và nông thôn. Đến năm 2024, báo cáo của Bộ GD-ĐT cho thấy tình trạng này chưa được cải thiện đáng kể, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả triển khai chương trình tiếng Anh mới.

Chương trình ngoại ngữ các cấp học còn thiếu sự liên thông. Hệ quả là HS có thể bị gián đoạn hoặc lặp lại kiến thức khi chuyển cấp. Phương pháp giảng dạy vẫn còn nặng về lý thuyết ngữ pháp, dịch, nặng tính thi cử, chưa chú trọng đúng mức đến phát triển kỹ năng giao tiếp thực tiễn. Điều này tạo nên nghịch lý: HS có thể đạt điểm thi khá nhưng không sử dụng được ngoại ngữ trong học thuật hoặc nghề nghiệp quốc tế (Bộ GD-ĐT, 2022). Ngoài ra, phương pháp kiểm tra và đánh giá ngoại ngữ vẫn còn lạc hậu, mang tính hàn lâm. Quá trình dạy học trong nhiều

trường phổ thông chủ yếu tập trung vào việc ghi nhớ từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng làm bài thi, thay vì phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp đời sống.

Song song với đó, hạn chế về cơ sở vật chất, học liệu phục vụ giảng dạy ngoại ngữ vẫn còn nhiều hạn chế. Theo Bộ GD-ĐT (2022), nhiều cơ sở giáo dục chưa được trang bị đầy đủ thiết bị hiện đại như phòng học đa phương tiện, phần mềm học tập tương tác hay quyền truy cập vào nguồn học liệu quốc tế. Tài liệu giảng dạy chưa được cập nhật thường xuyên, nhiều nơi vẫn lệ thuộc vào giáo trình dịch thay vì khai thác tài nguyên gốc. Một khó khăn nữa là sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc hỗ trợ học ngoại ngữ chưa thực sự chặt chẽ. HS ít có cơ hội thực hành ngoài lớp học, thiếu các hoạt động ngoại khóa, câu lạc bộ ngoại ngữ hay chương trình giao lưu quốc tế (Phạm, 2021). Điều này ảnh hưởng tiêu cực đến việc rèn luyện khả năng giao tiếp và phát triển tư duy ngôn ngữ liên tục. Những bất cập trên không chỉ tác động đến hiệu quả giảng dạy ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục chính quy mà còn đặt ra yêu cầu cấp thiết về đổi mới toàn diện công tác quản lý, phương pháp đào tạo, kiểm định chất lượng và chính sách hỗ trợ theo hướng bền vững và hội nhập quốc tế.

Những hạn chế trên cho thấy sự mất cân đối giữa mục tiêu chính sách - năng lực triển khai - điều kiện đảm bảo, dẫn đến hiệu quả chưa đạt được như kì vọng. Đây là khoảng cách để bài báo căn cứ nhằm đề xuất hệ thống biện pháp nâng cao, cải thiện chất lượng dạy học ở phần 2.3.

### **2.3. Đề xuất một số biện pháp nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng thế hệ “Công dân toàn cầu”**

#### **2.3.1. Hoàn thiện chương trình và nội dung giảng dạy**

Một trong những vấn đề cấp thiết là chương trình ngoại ngữ chưa bảo đảm tính liên thông giữa các cấp học. Do vậy, cần tiến hành rà soát tổng thể chương trình hiện hành, xác định những chỗ trùng lặp, thiếu hụt hoặc chưa phù hợp. Việc xây dựng chương trình cần dựa trên chuẩn năng lực quốc gia kết hợp với khung năng lực quốc tế, từ đó thiết kế các mạch kiến thức phát triển liên tục, tránh tình trạng HS bị gián đoạn khi chuyển cấp. Trong nội dung giảng dạy, cần có sự cân bằng giữa dạy ngữ pháp và phát triển kỹ năng giao tiếp. Chẳng hạn, ở cấp tiểu học có thể tập trung nhiều hơn vào nghe - nói với các tình huống thực tế, còn ở bậc trung học phổ thông thì kết hợp cả kỹ năng viết và đọc hiểu học thuật. Để đạt hiệu quả, cần khuyến khích sử dụng tài liệu gốc như bài báo quốc tế, podcast, phim ảnh hoặc bài diễn thuyết, thay cho việc chỉ dựa vào giáo trình dịch. HS có thể được giao nhiệm vụ nhỏ, ví dụ như nghe podcast ngắn và thảo luận, xem một đoạn phim và viết phản hồi, qua đó vừa học ngôn ngữ vừa phát triển tư duy phản biện. Ngoài ra, việc tích hợp các chủ đề liên quan đến văn hóa, xã hội, công nghệ và các vấn đề toàn cầu vào nội dung giảng dạy sẽ giúp HS thấy rõ vai trò của ngoại ngữ trong thực tiễn đời sống.

#### **2.3.2. Phát triển đội ngũ giáo viên đạt chuẩn quốc tế**

Đội ngũ GV giữ vai trò quyết định đến chất lượng giảng dạy. Hiện nay, nhiều GV chưa đạt chuẩn C1 theo Khung tham chiếu châu Âu, hoặc chưa nắm vững các phương pháp dạy học hiện đại. Để giải quyết, trước hết cần tổ chức các chương trình bồi dưỡng chuyên sâu theo hướng tiếp cận quốc tế. Nội dung bồi dưỡng nên tập trung vào CLT (Communicative Language Teaching) và TBLT (Task-Based Language Teaching), trong đó GV được huấn luyện cách tổ chức hoạt động nhóm, thiết kế nhiệm vụ thực tế, đánh giá qua sản phẩm học tập thay vì chỉ qua bài kiểm tra.

Song song, cần áp dụng hệ thống kiểm định năng lực GV dựa trên chuẩn quốc tế như IELTS, TOEFL hoặc CEFR. Nhà nước và các cơ sở giáo dục nên xây dựng lộ trình hỗ trợ để GV từng bước đạt chuẩn. Chẳng hạn, tổ chức các khóa học miễn phí hoặc được trợ cấp, khuyến khích GV thi chứng chỉ quốc tế và có chế độ thưởng cho những người đạt chuẩn. Một khía cạnh quan trọng khác là chính sách đãi ngộ. GV ngoại ngữ, đặc biệt ở vùng nông thôn, miền núi, cần được ưu tiên về lương, phụ cấp và cơ hội thăng tiến. Ngoài ra, cần triển khai chính sách luân chuyển hoặc mời GV giỏi từ các đô thị đến giảng dạy tại địa phương theo hợp đồng ngắn hạn, giúp HS vùng khó khăn có cơ hội tiếp cận với chất lượng giảng dạy tốt hơn.

#### **2.3.3. Đổi mới phương pháp kiểm tra và đánh giá**

Hiện nay, kiểm tra và đánh giá ngoại ngữ vẫn thiên về ghi nhớ kiến thức, đặc biệt là ngữ pháp và từ vựng. Để thay đổi, cần xây dựng hệ thống đánh giá năng lực theo hướng toàn diện, phản ánh đúng khả năng sử dụng ngôn ngữ. Cụ thể, các bài kiểm tra cần được thiết kế để đánh giá đủ bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, thay vì chỉ tập trung vào đọc và viết như hiện nay. Hơn nữa, việc đánh giá quá trình cần được đưa vào thường xuyên. Ví dụ, GV có thể chấm điểm dựa trên bài thuyết trình nhóm, nhật kí học tập bằng tiếng Anh hoặc dự án nhỏ mà HS thực hiện trong suốt học kì. Ngoài ra, cần học hỏi mô hình của các kì thi quốc tế như IELTS hay TOEFL, trong đó sự kết hợp giữa kỹ năng ngôn ngữ và tình huống thực tiễn được nhấn mạnh. Một lộ trình hợp lý là trước mắt kết hợp giữa kiểm tra truyền thống và các dạng bài thi mới, dần dần tiến tới hệ thống đánh giá chuẩn quốc tế.

#### 2.3.4. Tăng cường cơ sở vật chất và công nghệ dạy học

Cơ sở vật chất hiện nay ở nhiều trường còn nghèo nàn, chưa đủ để triển khai dạy học hiện đại. Do đó, cần có kế hoạch đầu tư đồng bộ hệ thống phòng học đa phương tiện, phòng lab ngoại ngữ, thiết bị nghe nhìn chất lượng cao và phần mềm học tập trực tuyến. Ở những nơi khó khăn, có thể triển khai mô hình “phòng học dùng chung” cho nhiều trường hoặc ứng dụng thiết bị di động, máy tính bảng trong lớp học.

Việc ứng dụng công nghệ số là hướng đi quan trọng. Các phần mềm luyện phát âm có tích hợp trí tuệ nhân tạo, hệ thống quản trị học tập trực tuyến hay các ứng dụng gamification (gamification không biến việc học thành trò chơi, mà sử dụng các đặc trưng của trò chơi để làm cho hoạt động học trở nên hấp dẫn và có tính tương tác cao) có thể giúp HS học tập chủ động và hứng thú hơn. Các trường cần khuyến khích GV khai thác nền tảng học tập mở, tạo nhóm học tập trực tuyến và tận dụng tài nguyên số miễn phí. Đồng thời, hợp tác quốc tế trong cung cấp giáo trình gốc và học liệu số cũng cần được đẩy mạnh để HS có cơ hội tiếp cận tri thức chuẩn quốc tế.

#### 2.3.5. Mở rộng môi trường thực hành ngoại ngữ

Một trong những hạn chế lớn nhất là HS thiếu môi trường sử dụng ngoại ngữ ngoài lớp học. Do đó, cần phát triển các hình thức thực hành đa dạng. Nhà trường có thể thành lập câu lạc bộ tiếng Anh với nhiều hình thức hoạt động như tranh biện, diễn kịch, kể chuyện hoặc làm dự án. Bên cạnh đó, tổ chức các trại hè quốc tế, hoạt động giao lưu với sinh viên nước ngoài, mời tình nguyện viên quốc tế tham gia giảng dạy cũng là những cách hiệu quả để tăng cơ hội tiếp xúc ngôn ngữ thực tế. Gia đình và xã hội cũng đóng vai trò quan trọng. Phụ huynh có thể khuyến khích con em tham gia khóa học trực tuyến với GV bản ngữ, xem phim, nghe nhạc hoặc đọc sách bằng tiếng Anh. Các tổ chức xã hội và doanh nghiệp có thể tài trợ học bổng, tổ chức các cuộc thi thuyết trình, viết luận bằng ngoại ngữ, tạo động lực học tập cho HS.

#### 2.3.6. Tăng cường quản lý và chính sách hỗ trợ

Để các biện pháp trên được triển khai bền vững, cần có cơ chế quản lý và chính sách hỗ trợ rõ ràng. Nhà nước cần thiết lập hệ thống kiểm định độc lập đối với các trung tâm ngoại ngữ, công khai chất lượng đào tạo để nâng cao tính minh bạch. Đây là cách để người học và xã hội có cơ sở lựa chọn, đồng thời thúc đẩy các trung tâm cạnh tranh lành mạnh. Bên cạnh đó, ngân sách cần được phân bổ ưu tiên cho các vùng khó khăn, hỗ trợ trường học xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm học liệu và bồi dưỡng GV. Chính phủ cũng nên ban hành chính sách ưu đãi về thuế, đất đai cho doanh nghiệp và tổ chức xã hội tham gia đầu tư vào lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ. Như vậy, việc huy động nguồn lực xã hội sẽ bổ sung cho ngân sách nhà nước, giúp nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ một cách bền vững.

### 3. Kết luận

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, việc dạy học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh, đã trở thành một nhiệm vụ chiến lược nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ là bước tiến quan trọng nhưng vẫn còn khoảng cách lớn giữa mục tiêu hội nhập và năng lực ngoại ngữ thực tế của người học. Thực tiễn cho thấy, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, từ việc ban hành chính sách đổi mới, mở rộng quy mô đào tạo, đến việc từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ GV và tăng cường hợp tác quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn tồn tại nhiều hạn chế như chương trình chưa đồng bộ, phương pháp giảng dạy còn nặng về ngữ pháp, đội ngũ GV chưa đáp ứng chuẩn quốc tế, cơ sở vật chất và học liệu còn thiếu thốn, cũng như sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội chưa hiệu quả. Để hướng tới mục tiêu xây dựng thể hệ công dân toàn cầu, bài báo đã đề xuất sáu biện pháp. Việc triển khai đồng bộ các biện pháp trên không chỉ góp phần nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân, mà còn giúp HS, sinh viên Việt Nam phát triển năng lực ngôn ngữ, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng linh hoạt.

#### Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2024). *Kết luận số 91-KL/TW ngày 12/8/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI “Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- Báo Điện tử Chính phủ. (2024). *Phổ điểm tốt nghiệp trung học phổ thông 2024: Căn cứ quan trọng lựa chọn đăng kí nguyện vọng chuẩn*. <https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/pho-diem-tot-nghiep-thpt-2024-can-cu-quan-trong-lua-chon-dang-ky-nguyen-vong-chuan-119240717173816451.htm>

- Bộ GD-ĐT (2014). *Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/01/2014 ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam*.
- Bộ GD-ĐT (2018). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2022). *Báo cáo tổng kết thực hiện Đề án Ngoại ngữ Quốc gia 2008-2020 và định hướng giai đoạn 2021-2025*.
- British Council Viet Nam & International Cooperation Department, Ministry of Education and Training. (2022). *Easy step guide on education cooperation and investment in Viet Nam*. British Council. [https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/handbook-easy-step-guide-on-edu-cooperation-and-investment\\_in\\_vn\\_final.pdf](https://www.britishcouncil.vn/sites/default/files/handbook-easy-step-guide-on-edu-cooperation-and-investment_in_vn_final.pdf)
- Hosack, I. (2011). Foreign language teaching for global citizenship. *Policy Science*, 18(3), 125-140.
- Lütge, C., Merse, T., & Rauschert, P. (2023). *Global citizenship in foreign language education: Concepts, practices, connections* (p. 312). Taylor & Francis.
- Nguyễn Duy Mộng Hà (2019). Phát triển tư duy bậc cao và kỹ năng công nghệ cho sinh viên ngành ngoại ngữ thời đại công nghệ thông tin và toàn cầu hóa. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 53, 86-93. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.53.1963\(2013\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.0.53.1963(2013))
- Pham, H. C. (2021). English language education in rural areas: Current issues, complexities and ways forward. *VNU Journal of Science: Education Research*, 37(4), 39-48.
- Quốc hội. (2018). *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học*. Luật số 34/2018/QH14, ban hành ngày 19/11/2018.
- Tuan, D. M. (2021). Learner autonomy in English language learning: Vietnamese EFL students' perceptions and practices. *Indonesian Journal of Applied Linguistics*, 11(2), 307-317.
- Thủ tướng Chính phủ (2008). *Quyết định số 1400/QĐ-TTg ngày 30/9/2008 về việc phê duyệt Đề án "Dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2008-2020"*.
- Thủ tướng Chính phủ (2017). *Quyết định số 2080/QĐ-TTg, ngày 22/12/2017 phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025*.
- Vũ Thị Bích Ngọc (2023). Học ngoại ngữ để trở thành công dân toàn cầu. *Tạp chí Thiết bị Giáo dục: Nghiên cứu Ứng dụng*, 2(291), 45-50.
- Wei, W., & Chao, D. L. (Eds.). (2025). *The Routledge Handbook of the Sociopolitical Context of Language Learning*. Routledge.
- World Bank (2020). *Improving the Performance of Higher Education in Vietnam*.
- World Economic Forum (2022). *The future of jobs report*. Geneva: WEF.
- Wu, M. M. F. (2020). Second language teaching for global citizenship. *Globalisation, Societies and Education*, 18(3), 330-342.